

## Thì quá khứ hoàn thành

Quá khứ hoàn thành (Past Perfect) là thì diễn tả một hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ trước một hành động khác cũng xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

**Thì Quá khứ hoàn thành**

Được dùng để diễn tả một hành động diễn ra trước một hành động khác trong quá khứ.  
Hành động sau là ở thì quá khứ đơn.

BY THE TIME CHUCK GOT TO  
THE BUS STOP, THE BUS HAD  
ALREADY LEFT.

### 1. Công thức

Dạng câu	Công thức - ví dụ
Khẳng định (+)	<b>S + had + Vpp</b> Ví dụ: He had gone out when i came intro the house.
Phủ định (-)	<b>S + hadn't + Vpp</b> Ví dụ: She hadn't come home when i got there.
Nghi vấn (?)	<b>Had + S + Vpp?</b> Ví dụ: Had the film ended when you arrived at the cinema?

### 2. Cách dùng

Được dùng để diễn tả một hành động diễn ra trước một hành động khác trong quá khứ. Hành động sau là ở thì quá khứ đơn. Bạn có thể hình dung theo thứ tự là quá khứ hoàn thành – quá khứ đơn – hiện tại đơn nhé. Cụ thể, thì quá khứ hoàn thành được dùng để:

- Diễn tả một hành động diễn ra trước một hành động khác trong quá khứ (Ví dụ: We had had lunch before we went to school.).
- Một hành động diễn ra trước một thời điểm khác trong quá khứ (Ví dụ: When my father checked, I had finished my homework.).
- Hành động xảy ra để dẫn đến hành động khác (Ví dụ: He had lost 10 kg and became a handsome man.).
- Diễn tả điều kiện không có thực trong câu điều kiện loại 3 (Ví dụ: If we had been invited, we would have come to her party.).

### **3. Dấu hiệu nhận biết**

Sử dụng thì quá khứ hoàn thành thường đi kèm với thì quá khứ đơn. Các từ thường xuất hiện:

- Before, after, Until then, by the time, prior to that time, for, as soon as, by,...
- When, when by, by the time, by the end of + time in the past,...

#### **\*Lưu ý:**

- QKHT + before + QKĐ.
- After + QKHT, QKĐ.